

Thời gian : 09h00 - 21/10/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10				25			55			
1	K11.424.0950	Lê Hữu Hà	K11QNH2	4	4				2.5			5.0	4.2	Bốn phẩy Hai	
2	K11.400.0803	Hà Mạnh Tuấn	K11QTH1	9	6				2.5			4.0	4.3	Bốn phẩy Ba	
3	132224736	Nguyễn Mến	K14KDN1	10	6				5.2			7.5	7.0	Bảy	
4	132326040	Nguyễn Đức Đức	K14KDN1	10	6				4.5			7.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
5	142251560	Bùi Thị Bích Thuận	K14KDN1	10	6				5.2			6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
6	142311658	Nguyễn Quốc Hưng	K14KDN1	5	4				2.5			4.5	4.0	Bốn	
7	142311666	Mai Kim Hoàng	K14KDN1	10	9				8.5			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
8	142321911	Nguyễn Đức Cương	K14KDN1	10	9				3.5			6.8	6.5	Sáu phẩy Năm	
9	142321913	Trần Hồng Đạt	K14KDN1	7	5				3			3.0	0.0	Không	
10	142321931	Bùi Thị Công Hạnh	K14KDN1	10	6				4.5			3.0	0.0	Không	
11	142321938	Nguyễn Thanh Hiền	K14KDN1	10	10				7			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
12	142321942	Trần Thị Thu Hiền	K14KDN1	10	6				4.5			7.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
13	142321949	Nguyễn Thị Mai Hồng	K14KDN1	10	6				5.5			6.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
14	142321959	Phạm Minh Huy	K14KDN1	10	9				4			4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
15	142321966	Hoàng Ngọc Khánh	K14KDN1	10	10				4.5			4.8	5.8	Năm phẩy Tám	
16	142321970	Đinh Khoa Thanh Lam	K14KDN1	10	6				6			5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
17	142321975	Nguyễn Thị Hồng Liên	K14KDN1	10	9				4			8.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
18	142321976	Văn Thị Liên	K14KDN1	10	9				5			9.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
19	142321979	Hoàng Thị Linh	K14KDN1	9.5	6				5			4.0	5.0	Năm	
20	142321995	Phan Hoàng Thiên Lý	K14KDN1	10	10				7			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
21	142322001	Trần Ly Na	K14KDN1	10	9				6.5			9.0	8.5	Tám phẩy Năm	
22	142322010	Phan Văn Nhân	K14KDN1	9	5				2.5			3.0	0.0	Không	
23	142322016	Hồ Hoàng Trang Nhung	K14KDN1	10	9				7			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
24	142322020	Lại Thị Phúc	K14KDN1	10	10				4.5			9.8	8.5	Tám phẩy Năm	
25	142322025	Phan Thị Song Phương	K14KDN1	9	10				3.5			5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
26	142322031	Lê Thị Bảo Quyên	K14KDN1	10	10				10			8.0	8.9	Tám phẩy Chín	
27	142322037	Lê Thị Ngọc Thắm	K14KDN1	8	9				3.5			2.5	0.0	Không	
28	142322043	Nguyễn Thị Thảo	K14KDN1	9	6				3.5			3.0	0.0	Không	
29	142322047	Vương Thị Thanh Thảo	K14KDN1	10	6				3.5			4.3	4.8	Bốn phẩy Tám	
30	142322052	Trần Hồng Thơm	K14KDN1	9.5	5				5			4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	

Thời gian : 09h00 - 21/10/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10				25			55			
31	142322057	Bùi Thị Diệu Thuần	K14KDN1	10	5				3.7			4.5	4.9	Bốn phần Chín	
32	142322061	Trần Thị Lệ Thuý	K14KDN1	10	9				4.5			9.3	8.1	Tám phần Một	
33	142322065	Hồ Thị Thuý	K14KDN1	9.5	6				7.5			6.5	7.0	Bảy	
34	142322070	Nguyễn Thị Minh Thủy	K14KDN1	8	5				6.5			6.3	6.4	Sáu phần Bốn	
35	142322081	Phạm Thị Thu Trang	K14KDN1	10	10				7.5			7.3	7.9	Bảy phần Chín	
36	142322087	Phan Thị Tuyết Trinh	K14KDN1	8.5	10				6.3			7.0	7.3	Bảy phần Ba	
37	142322097	Trương Thị Nhã Uyên	K14KDN1	10	9				6			6.5	7.0	Bảy	
38	142322101	Trần Thị Thúy Vân	K14KDN1	9.5	10				6.8			5.5	6.7	Sáu phần Bảy	
39	142322106	Trần Thị Hoài Vy	K14KDN1	10	9				5			5.0	5.9	Năm phần Chín	
40	142322110	Bùi Thị Hải Yến	K14KDN1	9	5				3			4.0	4.4	Bốn phần Bốn	
41	142323319	Phan Thị Thùy Dung	K14KDN1	10	9				4			3.5	0.0	Không	
42	142522631	Phạm Thị Thanh Bình	K14KDN1	10	10				5			5.0	6.0	Sáu	
43	142522905	Lê Thị Ngọc Thu	K14KDN1	10	10				4.8			8.5	7.9	Bảy phần Chín	
44	142522935	Đặng Thị Bích Trâm	K14KDN1	10	6				8			8.3	8.2	Tám phần Hai	
45	132326071	Nguyễn Thị Thu Hằng	K14KDN2	0	0				0			V	V	Vắng	
46	142321894	Đậu Khánh An	K14KDN2	10	9				3			4.8	5.3	Năm phần Ba	
47	142321895	Hồ Thị Thuý An	K14KDN2	10	6				3.5			3.3	0.0	Không	
48	142321901	Dương Phương Anh	K14KDN2	8	5				2.5			5.8	5.1	Năm phần Một	
49	142321906	Trần Thị Ánh	K14KDN2	10	9				4			6.5	6.5	Sáu phần Năm	
50	142321909	Nguyễn Thị Kim Chiên	K14KDN2	10	6				3.5			5.5	5.5	Năm phần Năm	
51	142321916	Đặng Minh Đức	K14KDN2	10	5				2.5			3.0	0.0	Không	
52	142321921	Nguyễn Thị Hoài Giang	K14KDN2	10	6				4			8.3	7.2	Bảy phần Hai	
53	142321923	Nguyễn Thị Ánh Hà	K14KDN2	9.5	9				6			4.5	5.8	Năm phần Tám	
54	142321927	Đậu Thị Hằng	K14KDN2	9.5	5				3.5			7.5	6.5	Sáu phần Năm	
55	142321934	Trương Trần Thanh Hào	K14KDN2	9	5				3.5			2.0	0.0	Không	
56	142321939	Nguyễn Thị Bảo Hiền	K14KDN2	8	6				5.5			7.5	6.9	Sáu phần Chín	
57	142321944	Võ Phi Hùng	K14KDN2	10	5				2.5			4.0	4.3	Bốn phần Ba	
58	142321950	Nguyễn Thị Thu Hồng	K14KDN2	10	10				6			8.5	8.2	Tám phần Hai	
59	142321956	Lưu Thị Lan Hương	K14KDN2	10	6				4.5			6.8	6.5	Sáu phần Năm	
60	142321967	Nguyễn Thị Khánh	K14KDN2	10	10				7.3			7.5	8.0	Tám	

Thời gian : 09h00 - 21/10/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10				25			55			
61	142321972	Nguyễn Thị Thúy	Lan	K14KDN2	10	6				3			7.3	6.4	Sáu phẩy Bốn
62	142321983	Phan Trần Yến	Linh	K14KDN2	10	5				4.5			5.3	5.5	Năm phẩy Năm
63	142321990	Bùi Thị Yến	Ly	K14KDN2	10	10				4.5			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai
64	142321998	Nguyễn Thị	Na	K14KDN2	10	6				5			9.0	7.8	Bảy phẩy Tám
65	142322000	Nguyễn Thị Ty	Na	K14KDN2	10	5				2.5			4.0	4.3	Bốn phẩy Ba
66	142322002	Nguyễn Thị Thuý	Nga	K14KDN2	10	6				2.5			5.8	5.4	Năm phẩy Bốn
67	142322007	Nguyễn Thị Bích	Nguyên	K14KDN2	10	6				2.5			6.5	5.8	Năm phẩy Tám
68	142322017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K14KDN2	10	10				10			9.5	9.7	Chín phẩy Bảy
69	142322018	Hoàng Thị Kim	Oanh	K14KDN2	10	10				8			9.5	9.2	Chín phẩy Hai
70	142322021	Nguyễn Hoàng	Phương	K14KDN2	9	6				2.5			2.5	0.0	Không
71	142322026	Trần Thị Mai	Phương	K14KDN2	10	10				9			9.8	9.6	Chín phẩy Sáu
72	142322039	Nguyễn Thị Hồng	Thăng	K14KDN2	9	5				2.5			4.0	4.2	Bốn phẩy Hai
73	142322044	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K14KDN2	10	9				5			8.8	8.0	Tám
74	142322054	Nguyễn Hoài	Thu	K14KDN2	10	6				2.5			7.0	6.1	Sáu phẩy Một
75	142322058	Võ Đức	Thuận	K14KDN2	6	4				2.5			1.0	0.0	Không
76	142322062	Võ Thị	Thuý	K14KDN2	10	10				5			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám
77	142322066	Trần Thị Phương	Thuý	K14KDN2	10	10				3			4.3	5.1	Năm phẩy Một
78	142322071	Trần Thị	Thủy	K14KDN2	10	6				2.5			5.5	5.3	Năm phẩy Ba
79	142322075	Nguyễn Thị	Trâm	K14KDN2	10	10				6			6.5	7.1	Bảy phẩy Một
80	142322084	Trần Thu	Trang	K14KDN2	9	6				4			2.0	0.0	Không
81	142322088	Trần Quốc	Trung	K14KDN2	10	6				2.5			4.8	4.9	Bốn phẩy Chín
82	142322094	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	K14KDN2	9	6				3			6.8	6.0	Sáu
83	142322098	Đinh Thị Cẩm	Vân	K14KDN2	10	9				5.2			6.0	6.5	Sáu phẩy Năm
84	142322102	Từ Thị Hải	Vân	K14KDN2	10	10				7.5			7.8	8.2	Tám phẩy Hai
85	142322107	Phạm Thị Lệ	Xuân	K14KDN2	10	6				5.5			5.5	6.0	Sáu
86	142322114	Nguyễn Thị	Yến	K14KDN2	10	6				4			7.0	6.5	Sáu phẩy Năm
87	142412542	Phạm Thị	Nguyệt	K14KDN2	10	9				6			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
88	142311615	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	K14KDN3	10	6				5.5			6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy
89	142311787	Nguyễn Thị	Tâm	K14KDN3	0	0				0			V	V	Vắng
90	142321896	Lê Trường	An	K14KDN3	10	10				9			6.5	7.8	Bảy phẩy Tám

Thời gian : 09h00 - 21/10/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10				25			55			
91	142321899	Đặng Thị Kim Anh	K14KDN3	9.5	9				5			5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
92	142321902	Lê Thị Kim Anh	K14KDN3	9	8				8			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
93	142321907	Trần Thanh Biên	K14KDN3	10	6				3			8.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
94	142321912	Đặng Văn Đạt	K14KDN3	10	8				3			3.3	0.0	Không	
95	142321917	Nguyễn Minh Đức	K14KDN3	10	8				4.5			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
96	142321926	Võ Thị Ngọc Hân	K14KDN3	10	9				6.7			8.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
97	142321928	Nguyễn Nguyên Hằng	K14KDN3	10	9				4.5			7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
98	142321935	Dương Bích Hiền	K14KDN3	10	8				8			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
99	142321940	Nguyễn Thị Minh Hiền	K14KDN3	10	6				7			6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
100	142321946	Hà Thị Hồng Hoa	K14KDN3	10	9				6			6.5	7.0	Bảy	
101	142321948	Nguyễn Khánh Hoàng	K14KDN3	10	6				3.5			5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
102	142321951	Nguyễn Thị Kim Huê	K14KDN3	10	8				5.5			5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
103	142321957	Nguyễn Thị Hương	K14KDN3	9	8				6			8.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
104	142321962	Mai Thị Lệ Huyền	K14KDN3	10	8				5			9.3	8.2	Tám phẩy Hai	
105	142321968	Phạm Công Khiêm	K14KDN3	10	9				5			1.8	0.0	Không	
106	142321973	Nguyễn Thị Lành	K14KDN3	10	10				9.7			8.0	8.8	Tám phẩy Tám	
107	142321977	Nguyễn Thị Liễu	K14KDN3	10	10				6.5			9.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
108	142321984	Lê Thị Tố Loan	K14KDN3	10	6				5.7			8.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
109	142321991	Mai Thị Bích Ly	K14KDN3	10	6				2.5			2.5	0.0	Không	
110	142322003	Phan Thị Nga	K14KDN3	10	10				9.7			7.0	8.3	Tám phẩy Ba	
111	142322006	Dương Thị Nguyên	K14KDN3	10	9				7.5			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
112	142322008	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	K14KDN3	10	10				8.5			5.3	7.0	Bảy	
113	142322013	Nguyễn Thị Nhi	K14KDN3	8	5				3			5.5	5.1	Năm phẩy Một	
114	142322022	Nguyễn Thị Phương	K14KDN3	10	9				4			1.5	0.0	Không	
115	142322027	Trương Hoài Phương	K14KDN3	10	9				8			6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
116	142322029	Lê Hoàng Anh Quân	K14KDN3	9	5				3.5			6.8	6.0	Sáu	
117	142322033	Trần Lâm Sinh	K14KDN3	10	5				3			3.0	0.0	Không	
118	142322040	Đặng Thị Phương Thanh	K14KDN3	10	6				8.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
119	142322045	Trần Thị Mai Thảo	K14KDN3	10	8				8.5			7.3	7.9	Bảy phẩy Chín	
120	142322050	Hồ Thị Thơm	K14KDN3	10	6				8.5			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	

Thời gian : 09h00 - 21/10/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10				25			55			
121	142322055	Nguyễn Thị Lệ Thu	K14KDN3	10	6				8			5.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
122	142322059	Nguyễn Thị Thương	K14KDN3	10	10				10			7.3	8.5	Tám phẩy Năm	
123	142322063	Ngô Thị Bích Thủy	K14KDN3	9	8				7			4.5	5.9	Năm phẩy Chín	
124	142322067	Phạm Thị Minh Thùy	K14KDN3	10	6				8			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
125	142322072	Từ Thị Ngọc Tiên	K14KDN3	10	9				3.5			3.5	0.0	Không	
126	142322076	Nguyễn Thị Giang	K14KDN3	10	10				7.5			9.0	8.8	Tám phẩy Tám	
127	142322085	Võ Nữ Quỳnh Trang	K14KDN3	10	6				8			7.8	7.9	Bảy phẩy Chín	
128	142322089	Lê Thị Thanh Tú	K14KDN3	10	6				7.5			6.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
129	142322092	Dương Thị Tuyền	K14KDN3	10	8				7.5			5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
130	142322095	Nguyễn Thị Tuyết	K14KDN3	10	8				8			9.0	8.8	Tám phẩy Tám	
131	142322099	Nguyễn Thị Vân	K14KDN3	10	8				6			7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
132	142322103	Võ Thị Cẩm Vân	K14KDN3	10	8				6.5			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
133	142322108	Nguyễn Tấn Ý	K14KDN3	10	8				7.5			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
134	142322115	Phan Thị Yến	K14KDN3	9	10				9.7			8.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
135	142321898	Trần Thị Minh Ân	K14KDN4	10	10				6			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
136	142321904	Nguyễn Trương Tú Anh	K14KDN4	10	8				3.5			7.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
137	142321908	Lê Thị Bông	K14KDN4	10	6				6.2			8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
138	142321914	Lê Thị Ái Diệu	K14KDN4	10	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
139	142321918	Nguyễn Thùy Dung	K14KDN4	10	9				4.7			6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
140	142321919	Trần Khương Duy	K14KDN4	10	8				2.5			5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
141	142321925	Nguyễn Thị Thu Hà	K14KDN4	10	10				8			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
142	142321930	Phan Thị Xuân Hằng	K14KDN4	10	8				5.2			9.5	8.3	Tám phẩy Ba	
143	142321936	Hoàng Thị Thu Hiền	K14KDN4	10	8				7.3			8.3	8.2	Tám phẩy Hai	
144	142321941	Trần Thị Châu Hiền	K14KDN4	10	9				5			7.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
145	142321952	Đào Thị Huế	K14KDN4	10	8				7.5			7.8	8.0	Tám	
146	142321958	Từ Thị Mai Hương	K14KDN4	10	6				5.2			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
147	142321965	Trần Thị Thu Huyền	K14KDN4	10	9				6			9.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
148	142321969	Lê Thị Oanh Kiều	K14KDN4	10	6				4			6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
149	142321974	Nguyễn Thị Mỹ Lê	K14KDN4	10	9				6.8			3.0	0.0	Không	
150	142321978	Nguyễn Thị Liễu	K14KDN4	9	10				8			8.0	8.3	Tám phẩy Ba	

Thời gian : 09h00 - 21/10/2010

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.

- 1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
- 2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
- 3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				10	10				25			55	SỐ	CHỮ	
151	142321985	Nguyễn Thanh Loan	K14KDN4	9	6				7.3			5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
152	142321994	Nguyễn Thành Lý	K14KDN4	10	10				9.4			8.8	9.2	Chín phẩy Hai	
153	142322004	Nguyễn Châu Ngân	K14KDN4	10	9				6.3			4.5	6.0	Sáu	
154	142322009	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	K14KDN4	10	10				7.5			9.0	8.8	Tám phẩy Tám	
155	142322014	Nguyễn Thị Uyển Nhi	K14KDN4	9	6				5			7.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
156	142322019	Nguyễn Thị Oanh	K14KDN4	10	10				9.9			7.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
157	142322023	Nguyễn Thị Ngọc Phương	K14KDN4	10	8				10			7.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
158	142322035	Lê Thị Tân	K14KDN4	9.5	8				6.2			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
159	142322042	Vũ Thị Thanh	K14KDN4	10	9				4.2			8.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
160	142322046	Võ Thị Thảo	K14KDN4	10	6				5.8			9.3	8.2	Tám phẩy Hai	
161	142322051	Nguyễn Thị Thơm	K14KDN4	9.5	10				3.5			8.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
162	142322056	Lâm Thị Anh Thư	K14KDN4	10	6				5			7.5	7.0	Bảy	
163	142322060	Nguyễn Trịnh Hoài Thương	K14KDN4	10	6				3.6			5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
164	142322064	Đoàn Thị Thúy	K14KDN4	10	9				6.3			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
165	142322068	Hoàng Thị Thu Thủy	K14KDN4	10	8				5.2			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
166	142322073	Lê Thị Trà	K14KDN4	10	6				5.2			8.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
167	142322074	Ngô Thị Trâm	K14KDN4	10	6				5.2			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
168	142322080	Nhữ Thị Mai Trang	K14KDN4	10	8				5.8			7.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
169	142322086	Đỗ Thị Mộng Trinh	K14KDN4	9.5	8				7			9.8	8.9	Tám phẩy Chín	
170	142322096	Nguyễn Thị Hạ Uyên	K14KDN4	10	8				7.7			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
171	142322100	Nguyễn Thị Tường Vân	K14KDN4	9	6				6.2			7.3	7.1	Bảy phẩy Một	
172	142322104	Phạm Thị Viên	K14KDN4	10	9				5.5			8.5	8.0	Tám	
173	142322109	Thái Thị Hạnh Yên	K14KDN4	10	8				3.5			4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
174	142322116	Vũ Thị Yến	K14KDN4	10	9				5			8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
175	142332139	Lê Thị Mỹ Dung	K14KDN4	10	8				4			5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
176	142332277	Hoàng Thị Tường Vy	K14KDN4	9	9				4			7.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
177	142424734	Nguyễn Thị Hiền	K14KDN4	10	10				4.5			6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
178	152320898	Nguyễn Thị Hằng	T15KDN2	8	6				2.5			2.0	0.0	Không	
179	152320975	Trần Thị Thảo	T15KDN3	4	4				0			5.0	3.6	Ba phẩy Sáu	